

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 02/2021/HS-ST

Ngày 16-11-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đàm Quang Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Trần Văn Kiệm

+ Ông Võ Văn Tánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS, ngày 11 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. TRƯƠNG VĂN B (Tên gọi khác Đ), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1982 tại: M, Q; Nơi cư trú: thôn 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Đi biển; Trình độ văn hóa (học vấn): 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương L, sinh năm: 1945 và bà Lê Thị L, sinh năm: 1949; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 18/7/2012 bị TAND huyện P, tỉnh B xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 40/2012/HSST. Ngày 18/9/2012, bị TAND tỉnh Bình Định có bản án số 256/HSPT xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo chấp hành án tại trại giam Kim Sơn, đến tháng 8/2015 chấp hành xong án phạt tù và về địa phương.

- Ngày 08/12/2016 bị TAND huyện T, tỉnh Q xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 03/2016/HSST. Bị cáo chấp hành án tại trại giam Kim Sơn, đến tháng 7/2017 chấp hành xong hình phạt tù và về địa phương.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 cho đến nay.

2. NGUYỄN TẤN L, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1986 tại: Đắk Lắk

Nơi cư trú: Đạt H, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 và bà Lê Thị C, sinh năm 1955; Vợ Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1997; bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 22/11/2006 bị TAND huyện K, tỉnh Đ xử 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 62/2006/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2007 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương.

- Ngày 03/12/2009 bị TAND huyện C, tỉnh Đ xử 01 (một) năm tù, về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 86/2009/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Đắk Tân, đến tháng 7/2010 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương.

- Ngày 12/5/2011 bị TAND huyện K, tỉnh Đ xử 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 14/2015/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Đắk Tân, đến tháng 10/2011 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương.

- Ngày 22/01/2015 bị TAND thị xã B, tỉnh Đ xử 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 03/2015/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Đắk Trung, đến tháng 7/2015 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giam từ ngày 31/7/2021 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* Bị hại: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966.

Địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt)

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương L, sinh năm 1945 và bà Lê Thị L, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. (Bà L có mặt, ông L vắng mặt)

\* Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 29/7/2021, Trương Văn B điều khiển xe mô tô 76X2-1276 chở Nguyễn Tấn L từ ngã ba A hướng về xã Đ nhằm tìm kiếm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi đi ngang nhà của ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966, trú tại: thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi thì phát hiện trong sân nhà ông K có một hộp số xe ô tô tải bằng kim loại. B điều khiển xe lòng vòng qua lại để quan sát, vì không thấy ai nên điều khiển xe đi thẳng vào trong sân nhà ông K và cả hai xuống xe. B đứng cạnh giới và giả vờ nghe điện thoại để quan sát xung quanh, còn L quay xe mô tô lại để xe hướng ra ngoài đường, L lấy nắp hộp số xe ô tô tải để lên ba ga trước của xe mô tô 76X2-1276, B

lấy miếng vải xanh để lên yên xe, L dùng hai tay nghiêng hộp số để đổ nhót ra; cả hai đang khiêng hộp số thì bị ông Nguyễn Văn K phát hiện và điện thoại cho Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H ở gần đó đến để hỗ trợ cùng ông K bắt giữ được B, còn L thì chạy thoát. Sau đó, ông K điện báo Công an huyện M đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với B. Đến ngày 31/7/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện M ra lệnh bắt người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Tấn L. Quá trình điều tra, các bị cáo B và L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình vào ngày 29/7/2021.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 31/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mộ Đức, kết luận tổng giá trị tài sản thiệt hại là 13.200.000 (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 16/CT - VKS, ngày 08 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố Trương Văn B và Nguyễn Tấn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định đã truy tố và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trương Văn B và Nguyễn Tấn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 15, 17, 57; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Văn B từ 12 đến 18 tháng tù

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L từ 12 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo;

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Trương Văn B 01 điện thoại di động, 01 ví da. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn L 01 đôi dép nhựa.

Về dân sự: Ông Nguyễn Văn K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì; các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trương Văn B và Nguyễn Tấn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ cũng như các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/7/2021 lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của ông Nguyễn Văn K ở thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, các bị cáo Trương Văn B và Nguyễn Tấn L đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 hộp số xe ô tô tải trị giá 13.200.000 đồng (Mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng). Mặc dù các bị cáo chưa lấy được tài sản của người bị hại, nhưng hành vi trộm cắp đã hoàn thành, việc các bị cáo chưa lấy được tài sản là do bị phát hiện, nằm ngoài ý muốn của các bị cáo. Theo quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự thì các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt. Như vậy, hành vi lén lút, chiếm đoạt tài sản của Trương Văn B và Nguyễn Tấn L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng số 16/CT - VKS, ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, đó là quyền sở hữu về tài sản của công dân. Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc trông nom, quản lý tài sản của người bị hại rồi cùng thực hiện hành vi phạm tội; Các bị cáo thực hiện hành vi đồng phạm gián đơn, thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, đã gây tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm đã thực hiện. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù các bị cáo không có tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu, đã bị xét xử nhiều lần về các tội xâm phạm quyền sở hữu nhưng các bị cáo không sửa chữa lỗi lầm của mình mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo B là người khởi xướng, rủ rê, thực hành; còn bị cáo L chỉ tham gia thực hành, khi bị phát hiện thì chạy thoát, gây khó khăn cho việc điều tra. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tuy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại cho người bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội chưa đạt nên được áp dụng mức hình phạt không quá  $\frac{3}{4}$  mức phạt tù theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự.

Theo bản án số 62/2006/HSST, ngày 22/6/2006 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk kết án nhưng đến ngày bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền án phí. Tuy nhiên, thời hiệu thi hành bản án đã hết nên không xem là tình tiết tái phạm đối với bị cáo.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên; Xét thấy các bị cáo không

có khả năng tự cải tạo, nên phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Các vấn đề liên quan: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo L khai đã góp tiền cùng bị cáo B để mua ma túy của một người đàn ông đứng bán ở góc phía Đông Quảng Trường (thuộc thành phố Quảng Ngãi) không quen biết, không rõ nhân thân, lai lịch người như thế nào, nên Cơ quan điều tra không làm việc được; Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, khi nào làm việc được với đối tượng trên sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định lại nghiện ma túy, điều kiện kinh tế không có nên không cần áp dụng khoản 5 Điều 173; Điều 35 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xử lý vật chứng:

[7.1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mộ Đức đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn K 01 hộp số xe ô tô tải là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7.2] Đối với xe mô tô 76X2-1276 bị cáo B sử dụng đi trộm cắp tài sản, do ông Phạm Ngọc C, sinh năm 1958, ở thôn 4, xã Đ, huyện M đứng tên trong giấy đăng ký xe, nhưng đã bán lại cho vợ chồng ông Trương L, bà Lê Thị L (là cha, mẹ của bị cáo B) trực tiếp quản lý, sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày; việc bị cáo B sử dụng xe của ông L, bà L để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì ông L, bà L hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông L, bà L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7.3] Trả lại cho bị cáo Trương Văn B 01 (một) điện thoại di động màu trắng-xanh, hiệu MOBELL, loại bàn phím cơ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động và 01 (một) ví da màu nâu, ở trạng thái gập (xếp) có kích thước (11,5x9)cm, ví đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn L 01 (một) đôi dép nhựa màu nâu, không có quai sau, dạng xỏ ngón, mỗi chiếc có kích thước (26x10)cm, dép đã qua sử dụng.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo về tội danh; điều khoản; về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; về mức hình phạt; về phần dân sự; xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 15, 17, 38, khoản 3 Điều 57; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố: bị cáo Trương Văn B và bị cáo Nguyễn Tấn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Trương Văn B 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam 29/7/2021.

Xử phạt Nguyễn Tấn L 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam 31/7/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Trương Văn B 01 (một) điện thoại di động màu trắng-xanh, hiệu MOBELL, loại bàn phím cơ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động và 01 (một) ví da màu nâu, ở trạng thái gấp (xếp) có kích thước (11,5x9)cm, ví đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn L 01 (một) đôi dép nhựa màu nâu, không có quai sau, dạng xỏ ngón, mỗi chiếc có kích thước (26x10)cm, dép đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/10/2021 giữa Công an huyện Mộ Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Văn B và bị cáo Nguyễn Tấn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp.
- VKSND huyện Mộ Đức;
- CQCSĐT Công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THADS huyện Mộ Đức;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đàm Quang Hiệp**